

TÁC ĐỘNG CỦA SỐ CON TỚI SỰ THAM GIA LAO ĐỘNG VÀ CUNG LAO ĐỘNG CỦA NAM GIỚI VIỆT NAM

TS. Lê Quang Cảnh
Đại học Kinh tế Quốc dân

Sử dụng số liệu Điều tra mức sống năm 2004, bài viết này nghiên cứu ảnh hưởng của số con tới sự tham gia lao động và cung lao động của nam giới Việt Nam. Cụ thể hơn, nghiên cứu sử dụng mô hình Probit với biến công cụ (IV-Probit) ước lượng tác động của số con đến sự tham gia lao động và sử dụng mô hình biến công cụ (IV) đo lường ảnh hưởng của số con đến thời gian lao động của người cha. Kết quả ước lượng cho thấy rằng mỗi trẻ em tăng thêm trong gia đình làm tăng xác suất tham gia lao động và cung lao động của người cha.

1. Giới thiệu

Trong quá khứ, sự thay đổi về kinh tế và dân số trong quá trình phát triển thường được nghiên cứu một cách riêng lẻ. Nếu các nhà nhân khẩu học tập trung giải thích sự chuyển tiếp dân số, thì các nhà kinh tế lại quan tâm đến việc giải thích sự tăng trưởng kinh tế mà không tính đến sự tác động của dân số. Càng về sau, các nhà kinh tế đã nhìn nhận tầm quan trọng của vấn đề dân số như tỷ suất sinh, số con, ... tới sự phát triển bởi lẽ các hành vi liên quan đến sinh nở, chăm sóc con cái, số con trong gia đình, và giới tính của trẻ có thể tác động tới hành vi kinh tế của gia đình và hoạt động kinh tế của quốc gia. Chẳng hạn, tỷ suất sinh cao, dân số tăng nhanh có thể làm giảm thu nhập bình quân đầu người. Số con bình quân trong gia đình nhiều làm giảm thời gian đến trường của trẻ, giảm vốn nhân lực và cuối cùng làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nhưng ngược lại, tỷ suất sinh cao, số con trung bình trong một gia đình nhiều cũng có thể làm tăng lực lượng lao động và sản lượng của nền kinh tế.

Mấy thập kỷ trở lại đây, các nhà kinh tế và nhân khẩu học đều quan tâm nhiều mối quan hệ giữa dân số và kinh tế. Nhiều nghiên cứu tìm hiểu mối quan hệ giữa hành vi của hộ gia đình trong việc sinh con, chăm sóc con cái, giới tính của trẻ với cung lao động của các thành viên gia đình. Các nghiên cứu về sự ảnh hưởng của số con tới việc tham gia lao động và cung lao động của phụ nữ đều tìm ra rằng số con trong gia đình làm giảm xác suất tham gia lao động và cung lao động của các bà mẹ. Tuy nhiên, ảnh hưởng của số con đến sự tham gia lao động và cung lao động của người cha là không rõ ràng. Một số công trình nghiên cứu tìm thấy rằng việc sinh thêm con hầu như chẳng có ảnh hưởng gì tới xác suất tham gia lao động và cung lao động của người cha (Pencavel, 1986; Bloomquist và Hannson, 1990; Carlin và Flood, 1997; và Angrist và Evans, 1998). Ngược lại, một số nghiên cứu khác tìm ra được mối quan hệ thuận giữa số con và thời gian làm việc của người cha (Lundberg và Rose, 2002; Choi và các cộng sự, 2005; Kim và Aassve, 2006).

Có hai tác động ngược chiều nhau của việc sinh thêm con đối với cung lao động của người cha. Becker (1985) cho rằng khi số con trong gia đình tăng thêm, người phụ nữ sẽ giảm thời gian làm việc trên thị trường lao động và dành thời gian đó cho việc chăm sóc con cái, còn người cha thì tăng thời gian làm việc, bởi lẽ nam giới có mức tiền công lao động cao hơn tương đối so với việc chăm sóc con cái. Ảnh hưởng này được Becker (1985) gọi đó là ảnh hưởng chuyên môn hóa. Ngược lại, Lundberg và Rose, (2002) lập luận rằng số con trong gia đình tăng lên sẽ làm tăng giá trị thời gian của cha mẹ khi coi thời gian đó như là một yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Vì vậy, cha mẹ sẽ giảm thời gian lao động trên thị trường lao động. ảnh hưởng này được gọi là ảnh hưởng "tập trung vào gia đình". Theo hai ảnh hưởng này, khi có thêm một con, người cha có thể tăng, không thay đổi, hoặc giảm cung lao động trên thị trường lao động. Điều này phụ thuộc vào mức độ của ảnh hưởng "chuyên môn hóa" và ảnh hưởng "tập trung vào gia đình".

Bài viết này nghiên cứu sự ảnh hưởng của số con trong gia đình tới việc tham gia lao động và cung lao động của người cha ở Việt Nam. Sử dụng số liệu Điều tra Mức sống Dân cư năm 2004 cho mô hình Probit với biến công cụ (IV-Probit) và mô hình IV, nghiên cứu ước lượng sự ảnh hưởng của số con tới xác suất tham gia lao động và cung lao động của người cha. Kết quả ước lượng cho thấy, mỗi trẻ em tăng thêm trong hộ sẽ làm tăng xác suất tham gia lao động và cung lao động của người cha. Cụ thể, người cha sẽ tăng xác suất tham gia lao động thêm 21,6% khi gia đình họ có thêm một con, tăng 26,8% cho người cha thành thị, và 19,3% cho nam giới nông thôn. Về thời gian làm việc, khi có thêm một con trong gia đình người cha làm việc tăng thêm 0,32 giờ/ngày,

0,47 giờ/ngày cho nam giới thành và 0,30 giờ/ngày cho nam giới ở khu vực nông thôn.

Ngoài phần giới thiệu, bài viết này có kết cấu như sau. Mục 2 đề cập phương pháp luận tiến hành nghiên cứu và số liệu sử dụng. Mục 3 trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm sự tác động của số con tới việc tham gia lao động và cung lao động của người cha. Mục 4 sẽ tóm tắt một số nét chính và kết luận của nghiên cứu.

2. Mô hình, biến công cụ và số liệu

2.1. Mô hình

Do việc quyết định về số con, quyết định đi làm, và số giờ làm việc được đưa ra đồng thời nên số con trong gia đình trở thành một biến nội sinh. Vì vậy, không thể sử dụng phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất (OLS) vì OLS cho kết quả ước lượng chệch, thay vào đó, phải sử dụng phương pháp biến công cụ (IV) để ước lượng. Trước hết, phải sử dụng các biến công cụ trong mô hình cấu về số con của mỗi hộ gia đình. Bước này có tác dụng loại bỏ biến động nội sinh của biến số con. Nói cách khác, các biến công cụ giúp tạo ra biến động ngoại sinh của số con trong mỗi gia đình. Phương trình phản ánh cấu về số con của hộ gia đình có dạng như sau:

$$c = \phi_c + Z\varphi_c + W\alpha_c + V\beta_c + H\gamma_c + \varepsilon_c, \quad (1)$$

trong đó, c là số con trong mỗi hộ gia đình. Z là một véc tơ biến công cụ. W là véc tơ tiền lương của cả hai bố và mẹ kiếm được trên thị trường lao động. V là véc tơ thể hiện đặc điểm của bố mẹ như tuổi, trình độ học vấn, chủ hộ, nghề nghiệp. H là véc tơ bao gồm các đặc tính thuộc về hộ gia đình và thị trường lao động tại địa phương. ε_c là sai số ước lượng.

Để đo lường sự ảnh hưởng của số con đến sự tham gia lao động của người cha, bài viết này sử dụng mô hình IV-Probit. Mô hình này có dạng dưới đây:

$$P(y = 1 | \hat{c}, W, V, H) = \Phi(\phi_y + \varphi_y \hat{c} + W\alpha_y + V\beta_y + H\gamma_y + \varepsilon_y), \quad (2)$$

trong đó, Φ là hàm phân phối xác suất. y là trạng thái lao động của người cha. y mang giá trị là 1 nếu người cha tham gia lực lượng lao động và có giá trị là 0 nếu người cha không tham gia lao động trong năm điều tra (tính từ đầu năm tới thời điểm điều tra). \hat{c} là số con được ước lượng từ mô hình (1), đây chính là biến động ngoại sinh của số con trong mỗi hộ gia đình. ε_y là sai số ước lượng.

$P(y = 1 | \hat{c}, W, V, H)$ đo lường xác suất tham gia lực lượng lao động của người cha trong điều kiện về số con, tiền lương của vợ, đặc điểm nhân thân của người vợ/chồng, và đặc điểm của hộ cũng như đặc điểm của thị trường lao động trên địa bàn.

Để đánh giá được tác động của số con tới cung lao động, bài viết sử dụng mô hình IV có dạng sau đây:

$$L = \phi_l + \varphi_l \hat{c} + W\alpha_l + V\beta_l + H\gamma_l + \varepsilon_l \quad (3)$$

trong đó, L là biến phụ thuộc, đo mức cung lao động của người cha. Trong phạm vi bài viết này, cung lao động của người cha được đo bằng thời gian làm việc bình quân/ngày.

2.2. Biến công cụ

Biến công cụ ảnh hưởng lớn tới kết quả ước lượng bởi lẽ các biến công cụ có thể ảnh hưởng tới độ tin cậy của các kết quả ước lượng trong mô hình. Về mặt lý thuyết, một biến công cụ thích hợp phải thỏa mãn hai điều kiện: không có quan hệ với sai số và có quan hệ chặt chẽ với biến phụ thuộc. Các điều kiện đó có nghĩa là biến công cụ không có quan hệ gì với sai số ε_c trong mô hình (1) và ảnh hưởng lớn tới số con trong mỗi hộ gia đình. Nghiên cứu này sử dụng hai biến công cụ để loại bỏ biến động nội sinh của biến số con trong hộ gia đình đó là giới tính của con lớn nhất trong gia đình và cùng giới tính của hai con lớn (con cả và con thứ hai) ví dụ hai trai hoặc hai gái. Nếu gọi giới tính của trẻ là s thì s_1 là giới tính của đứa trẻ thứ nhất trong hộ gia đình và s_2 là giới tính của đứa trẻ thứ hai. $s_i = 1$ nếu trẻ là con trai và $s_i = 0$ khi trẻ là con gái ($i = 1, 2$ là chỉ số thứ tự con trong gia đình). Giả sử biến cùng giới tính của hai con lớn trong gia đình là sg , khi đó biến cùng giới tính được tính theo công thức $sg = s_1 s_2 + (1 - s_1)(1 - s_2)$. Biến sg sẽ mang giá trị là 1 nếu hai con lớn đều là trai hoặc đều là gái, ngoài ra biến sg nhận giá trị 0. Sử dụng cách tiếp cận của Stock và cộng sự (2002), nghiên cứu khẳng định rằng hai biến giới tính của con lớn (s_i) và cùng giới tính của hai con lớn (sg) trong gia đình là thích hợp để tạo ra biến động ngoại sinh của số con trong mỗi hộ gia đình.

2.3. Số liệu sử dụng

Nghiên cứu này sử dụng số liệu trích từ Điều tra mức sống năm 2004. Mẫu số liệu sử dụng bao gồm 3.985 hộ gia đình có ít nhất một con, con lớn không quá 18 tuổi, người cha không quá 65 tuổi, và mẹ không quá 60 tuổi. Theo mẫu nghiên cứu, có tới 97,8% số nam giới làm việc trong năm điều tra và trung bình họ làm việc 7,7 giờ một ngày. Tiền công trả cho nam và nữ có sự chênh lệch. Trong khi người mẹ nhận trung bình 3,1 nghìn đồng/giờ lao động thì người cha nhận được 4,6 nghìn đồng/giờ. Điều này phần nào được giải thích bởi lẽ có tới 63% số người cha và 78,4% số người mẹ làm việc trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp. Liên quan đến đặc điểm số con trong gia đình, trung bình mỗi hộ gia đình có 2,6 con, trong đó 51,2% số hộ có con trai là lớn và 41,2% số hộ có hai con lớn cùng giới tính trai hoặc gái.

Cũng theo mẫu nghiên cứu, tỷ lệ nam giới có trình độ học vấn cao hơn phụ nữ. Cụ thể, chỉ có 3,5% số người cha không đến trường trong khi 4,1% số người mẹ chưa bao giờ đi học; có 12,1% người cha và 10,8% người mẹ có trình độ cao đẳng trở lên. Trong mẫu số liệu sử dụng, 91,3% số hộ có chủ hộ là nam giới; số hộ gia đình sống ở khu vực thành thị chỉ chiếm 21,3% tổng số hộ; mỗi hộ có thu nhập trung bình một năm ngoài tiền lương là 1,4 triệu đồng; 11,3% số hộ gia đình có ông hoặc bà hoặc cả hai sống chung với con cháu.

3. Kết quả ước lượng

Mục này trình bày các kết quả ước lượng từ mô hình đã thảo luận trong mục 2. Việc phải làm trước hết đó là kiểm định về tính nội sinh của biến số con, kiểm định dạng hàm trong mô hình IV Probit và mô hình IV cũng như tính phù hợp của các biến trong mô hình. Sau đó, bài viết đi vào ước lượng sự ảnh hưởng của số con đến sự tham gia lao động, và ảnh hưởng của số con đến cung lao động của người cha.

Để kiểm tra tính nội sinh của biến số con, nghiên cứu sử dụng kiểm định Hausman với giả thiết là số con trong mỗi hộ gia đình là một biến ngoại sinh. Nếu giả thiết bị bác bỏ thì biến số con là một biến nội sinh, và như vậy phương pháp IV phải được sử dụng. Kết quả kiểm định cho thấy, thống kê Hausman lần lượt là 34,82 với giá trị xác suất (p-value) 0,0295 và 39,72 với giá trị xác suất 0,0116 trong mô hình thể hiện mối quan hệ của số con với sự tham gia lao động và cung lao

Bảng 1: Ảnh hưởng cận biên của số con tới sự tham gia lao động của người cha

	Chung	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn
Số con	0.2165***	0.2678***	0.1935***
Đặc điểm nhân thân của người mẹ			
Tuổi	0.0172	0.0190	0.0245
Tuổi bình phương	-0.0002	-0.0001	-0.0002
Mức lương /giờ	0.0056**	0.0037	0.0050
Chủ hộ	-0.0761**	-0.0895*	-0.0668
Tiểu học	0.0571	0.2729**	-0.0310
Trung học cơ sở	0.0161	0.2058*	-0.0513
Trung học phổ thông	0.0395	0.3487***	-0.0744
Cao đẳng, Đại học hoặc cao hơn	0.0344	0.2735***	-0.0407
Nghề nghiệp (nông nghiệp = 1)	0.0675**	0.0953*	0.0742**
Đặc điểm nhân thân của người cha			
Tuổi	0.0330**	0.0643	0.0276*
Tuổi bình phương	-0.0004***	-0.0008*	-0.0004*
Tiểu học	0.1208***	0.0660	0.1094***
Trung học cơ sở	0.1254***	0.1118	0.0949***
Trung học phổ thông	0.1315***	0.1456	0.1083***
Cao đẳng, Đại học hoặc cao hơn	0.1668***	0.2652***	0.1183***
Nghề nghiệp (nông nghiệp = 1)	0.0327	0.0681	0.0353
Đặc điểm của hộ gia đình và thị trường lao động			
Thu nhập ngoài lương của hộ	0.0183**	0.0014	0.0304**
Ông/bà sống cùng	0.0642	0.2673	0.0317
Tuổi của ông/bà	-0.0120*	-0.0324*	-0.0060
Tuổi ông/bà bình phương	0.0001	0.0003*	0.0000
Khu vực (thành thị = 1)	-0.0779***		
Số việc làm mới tạo ra hàng năm ở địa phương	-0.0003	-0.0004	-0.0002
Số quan sát	3800	771	3029

Ước lượng có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 0,1 được ký hiệu là *; 0,05 là **; và 0,01 là ***.

động của người cha. Điều đó ngụ ý rằng biến số con là một biến nội sinh, và mô hình IV là thích hợp để ước lượng ảnh hưởng của số con tới sự tham gia lao động và cung lao động của người cha. Để kiểm định sự thích hợp của mô hình VI probit và IV, nghiên cứu sử dụng kiểm định F tổng thể. Giá trị F tổng thể càng lớn thì mức độ phù hợp của hàm càng cao. Giá trị F trong mô hình (2) và (3) lần lượt là 34.44 (0 p-value) và 23.79 (0 p-value) ngụ ý rằng mô hình sử dụng là đáng tin cậy.

3.1. Tác động của số con đến xác suất tham gia lao động

Theo mô hình trình bày trong mô hình (2), việc tham gia lao động của người cha phụ thuộc vào số con trong gia đình, tiền công lao động của vợ, đặc điểm nhân thân của vợ/chồng, đặc điểm của hộ gia đình và thị trường lao động địa phương. Nhắc lại rằng, biến phụ thuộc là trạng thái làm việc của người cha. Biến này có giá trị là 1 nếu người cha làm việc và mang giá trị là 0 nếu người cha không tham gia lao động. Bảng sau đây sẽ trình bày ảnh hưởng cận biên của các biến độc lập tới xác suất tham gia lao động của nam giới Việt Nam.

Kết quả trong bảng 1 cho thấy, hệ số ảnh hưởng biên của số con tới sự tham gia lao động của người cha trong mô hình có giá trị dương 0,2165 và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Kết quả này có nghĩa là người cha sẽ tăng xác suất tham gia lao động thêm 21,6% khi họ có thêm một con trong gia đình, với điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Kết quả này cũng tương tự như kết quả nghiên cứu của Kim và Aassve (2006) khi họ tìm ra đàn ông Indonesia tăng xác suất tham gia lao động lên 19,7% khi sinh thêm một con.

Kết quả ước lượng tìm thấy sự khác biệt mức độ ảnh hưởng của số con trong gia đình tới khả năng tham gia lao động của người cha ở thành thị và nông thôn. Việc gia đình có thêm con ở khu vực thành thị ảnh hưởng lớn tới khả năng tham gia lao động của người chồng, trong khi đó sinh thêm một con cũng ảnh hưởng tới xác suất tham gia lao động của người cha nông thôn nhưng với tỷ lệ thấp hơn. Cụ thể khi có thêm một con trong gia đình người cha thành thị sẽ tăng khả năng tham gia vào lực lượng lao động là 26,8%, còn người cha ở khu vực nông thôn tăng xác suất tham gia lao động 19,3%. Kết quả này ngụ ý rằng nam giới có tiền công lao động cao hơn so với chi phí cho việc chăm sóc con cái. Đồng thời, kết quả cũng ngụ ý rằng những người cha ở khu vực thành thị có nhiều cơ hội kiếm việc làm thêm hơn những nam giới nông thôn. Hơn nữa, sức ép về tài chính đổ dồn lên vai người chồng ở khu vực đô thị nhiều hơn so với những người chồng ở khu vực nông thôn sau khi trong gia đình họ có thêm một con.

Trình độ học vấn của người cha có ảnh hưởng tích cực tới xác suất tham gia lao động của chính họ. Kết quả ước lượng chỉ rõ, những người cha được học cao có xác suất tham gia lao động cao hơn những người cha có trình độ học vấn thấp. Chẳng hạn, người có trình độ cao đẳng, đại học hoặc cao hơn có xác suất tham gia lao động cao hơn đến 16,7% so với người chưa bao giờ đến trường. Điều này hoàn toàn phù hợp với những dự đoán vi mô và các kết quả nghiên cứu trước đây vì những người này có nhiều cơ hội kiếm được việc làm hơn những người chưa từng bao giờ đến trường. Một kết quả khác khá thú vị là các đặc điểm về người vợ như tuổi, học vấn, và lương không có ảnh hưởng tới xác suất tham gia lao động của người chồng khi gia đình có thêm một con. Tuy nhiên, nghề nghiệp của người vợ thì có ảnh hưởng. Chẳng hạn những người chồng có vợ làm nông nghiệp sẽ tăng xác suất tham gia lao động thêm 6,7% so với những người chồng có vợ làm việc trong khu vực phi nông nghiệp. Kết quả ước lượng cũng chỉ ra rằng, thu nhập của hộ gia đình ngoài tiền lương có ảnh hưởng tích cực tới xác suất tham gia lao động của người cha. Cụ thể khi thu nhập ngoài lương của hộ gia đình tăng thêm 1 triệu đồng/năm, người chồng sẽ tăng xác suất tham gia lao động 1,8%, khi các yếu tố khác không thay đổi. Ông/bà sống cùng với con cháu không có ảnh hưởng tới việc tham gia lao động của người chồng bởi lẽ sự giúp đỡ của ông/bà trong việc chăm sóc con cái hoặc việc gia đình chủ yếu giúp giải phóng phụ nữ khỏi công việc gia đình và họ có nhiều thời gian hơn tham gia trên thị trường lao động.

3.2. Ảnh hưởng của số con tới cung lao động

Như đã trình bày trong mục 2, thời gian lao động của người cha phụ thuộc vào số con, tiền công, đặc điểm của vợ/chồng, hộ gia đình và thị trường lao động địa phương. Sử dụng phương pháp IV, kết quả ước lượng được trình bày trong bảng 2.

Hệ số ảnh hưởng của số con ước lượng được là 0,317 và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%. Kết quả này ngụ ý rằng, người cha sẽ tăng số giờ làm việc trong ngày thêm 0,32 giờ khi họ có thêm một con. Mức ảnh hưởng này còn cao hơn đối với những nam giới sống ở khu vực thành thị, 0,47 giờ/ngày so với trước khi họ sinh thêm con. Còn đối với nam giới ở khu vực nông thôn, họ sẽ tăng thời gian làm việc thêm 0,30 giờ/ngày khi họ có thêm con. Sở dĩ nam giới ở khu vực đô thị làm việc nhiều hơn trung bình là do việc làm của họ là phi nông nghiệp, có năng suất lao động cao, và tiền công lao động cao hơn so với những người cha sống ở khu vực nông thôn, và thu nhập đó cũng cao hơn chi phí cho việc chăm sóc con cái. Đồng thời, những nam giới ở khu vực thành thị chịu nhiều sức ép về mặt tài chính hơn là những nam giới sống ở khu vực nông thôn. Họ có thể là người có năng suất lao động và năng suất lao động cận biên cao nhất trong gia đình, và tiền

Bảng 2: Tác động của số con tới cung lao động của người cha

	Chung	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn
Số con	0.317***	0.467**	0.303***
Đặc điểm nhân thân của người mẹ			
Tuổi	-0.076	-0.072	-0.087
Tuổi bình phương	0.001	0.001	0.001
Mức lương /giờ	0.008**	0.006	0.020**
Chủ hộ	0.016	0.021	-0.016
Tiểu học	-0.440***	-0.355	-0.419**
Trung học cơ sở	-0.402**	0.142	-0.474***
Trung học phổ thông	-0.444***	0.125	-0.563***
Cao đẳng, Đại học hoặc cao hơn	-0.050	-0.206	0.067
Nghề nghiệp (nông nghiệp = 1)	0.028	-0.480***	0.270***
Tuổi	0.146***	0.055	0.171***
Tuổi bình phương	-0.002***	-0.001	-0.002***
Tiểu học	-0.047***	-0.040***	-0.050***
Mức lương/giờ	-2.065***	-2.641***	-2.001***
Trung học cơ sở	-2.106***	-2.644***	-2.041***
Trung học phổ thông	-2.411***	-2.622***	-2.468***
Cao đẳng, Đại học hoặc cao hơn	-1.775***	-2.718***	-1.498***
Nghề nghiệp (nông nghiệp = 1)	-1.080***	-0.861***	-1.136***
Đặc điểm của hộ gia đình và thị trường lao động			
Thu nhập ngoài lương của hộ	0.084***	0.094***	0.065***
Ông/bà sống cùng	0.550*	2.092**	0.137
Tuổi của ông/bà	-0.010	-0.071*	0.006
Tuổi ông/bà bình phương	0.000	0.001	0.000
Khu vực (thành thị = 1)	0.521***		
Số việc làm mới tạo ra hàng năm ở địa phương	0.002**	0.003**	0.002
Số quan sát	3754	756	2998

Ước lượng có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 0,1 được ký hiệu là *; 0,05 là **; và 0,01 là ***.

công lao động họ kiếm được cao hơn so với việc ở nhà chăm sóc con cái khi gia đình họ có thêm con. Do đó những nam giới này sẽ là người làm tăng thời gian khi gia đình họ có thêm con.

Kết quả ước lượng cũng chỉ ra rằng, những người cha có trình độ học vấn cao thì làm việc ít thời gian hơn những ông bố không có cơ hội đến trường, tuy nhiên xu hướng càng học cao thì thời gian làm việc càng giảm là không rõ ràng. Tương tự như kết quả ở phần trên, đặc điểm nhân thân của người vợ như tuổi, lương, trình độ học vấn, chủ hộ không có ảnh hưởng tới thời gian làm việc của người chồng ở mức ý nghĩa 5%. Tuy nhiên, nghề nghiệp thì có ảnh hưởng đến thời gian lao động của người chồng tại khu vực thành thị và nông thôn. Cụ thể ở khu vực thành thị, người cha làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp sẽ làm ít hơn người cha làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp là 0,86 giờ/ngày, con số này ở khu vực nông thôn là 1,14 giờ/ngày. Kết quả này ngụ ý rằng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp có tiền công thấp hơn lĩnh vực phi nông nghiệp ở khu vực thành thị, và lao động nông nghiệp là nặng nhọc và thời gian lao động kéo dài đối với việc làm nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Kết quả ước lượng cũng gợi ý rằng ông/bà sống cùng không có ảnh hưởng gì tới thời gian làm việc của người cha nói chung ở mức ý nghĩa 5%. Kết quả này không gây ngạc nhiên khi tuổi bình quân của ông/bà trong mẫu nghiên cứu là 71,4, và ở tuổi đó ông/bà khó có thể giúp đỡ việc gia đình, nếu không muốn nói họ có thể còn cần sự chăm sóc. Hơn nữa, nếu ông/bà có giúp đỡ được việc gia đình như trông cháu, làm việc nội trợ,... thì những công việc đó cũng chỉ làm bớt đi gánh nặng cho người phụ nữ hơn là cho nam giới. Ngoài ra, kết quả ước lượng còn cho biết những nam giới ở khu vực thành thị làm việc nhiều hơn nam giới ở nông thôn, và trung bình họ làm việc nhiều hơn nam giới nông thôn 0,52 giờ/ngày.

Một kết quả thú vị khác là mối quan hệ giữa tiền lương và thời gian lao động của người cha. Kết quả ước lượng cho rằng khi lương tăng lên, người cha sẽ làm ít đi. Cụ thể khi lương tăng thêm

một ngàn đồng/giờ, người cha sẽ giảm thời gian làm việc đi 0,047 giờ/ngày, trong khi đó nam giới thành thị giảm 0,04 giờ/ngày và nam giới nông thôn giảm 0,05 giờ/ngày. Điều này có thể giải thích bằng sự làm việc mệt nhọc và kéo dài của lao động nông nghiệp và lao động ở khu vực nông thôn. Do đó, khi mà tiền công tăng lên họ sẵn sàng giảm giờ làm bởi họ đã làm việc cực nhọc trong suốt cả thời gian dài.

Mối quan hệ thuận giữa thu nhập ngoài lương của hộ gia đình và số giờ làm việc của người cha trong bảng 2 là một kết quả khá hay và thú vị của nghiên cứu này. Cụ thể, khi mà thu nhập ngoài lương của hộ gia đình tăng thêm một triệu đồng/năm, người cha sẽ làm việc tăng thêm 0,084 giờ mỗi ngày. Ảnh hưởng của thu nhập ngoài lương của hộ tới thời gian làm việc của thành viên gia đình phụ thuộc vào hộ sử dụng thu nhập ngoài lương như thế nào. Nếu hộ sử dụng tiền đó cho chi tiêu, thời gian lao động của các thành viên sẽ giảm. Ngược lại, khi hộ sử dụng tiền đó vào đầu tư mở rộng sản xuất hoặc thâm canh thì thời gian lao động của các thành viên gia đình sẽ tăng lên. Thực tế những hộ gia đình có thu nhập ngoài lương thường không phải là các hộ đói hoặc nghèo, do vậy thu nhập đó không phải sử dụng cho tiêu dùng mà thường được đầu tư vào việc mở rộng sản xuất hoặc thâm canh. Chính vì vậy, thu nhập này làm tăng thời gian làm việc của người cha.

4. Kết luận

Bài viết này nghiên cứu ảnh hưởng của số con tới sự tham gia lao động và cung lao động của nam giới Việt Nam. Sử dụng Probit với biến công cụ và mô hình biến công cụ với hai biến công cụ là giới tính của con lớn và biến cùng giới tính của hai con lớn trong hộ gia đình, nghiên cứu đã tìm ra rằng số con có ảnh hưởng thuận với xác suất tham gia lao động và cung lao động của người cha. Cụ thể, khi số con tăng thêm một, người cha sẽ tăng xác suất tham gia lao động là 21,6% so với trước khi có thêm con và họ tăng số giờ làm 0,35 giờ/ngày. Sự ảnh hưởng này khác biệt giữa khu vực thành thị và nông thôn theo hướng nam giới ở khu vực thành thị sẵn sàng làm nhiều hơn so với nam giới ở khu vực nông thôn.

Kết quả của nghiên cứu này đóng góp một dẫn chứng thực nghiệm về sự tác động thuận của số con trong hộ gia đình tới việc tham gia lao động và cung lao động của người cha. Kết quả nghiên cứu cũng ngụ ý ảnh hưởng "chuyên môn hóa" của việc có thêm con trong gia đình lớn hơn "ảnh hưởng tập trung vào gia đình" của nam giới Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu cũng cung cấp thông tin tham khảo hữu ích cho các cặp vợ chồng trước khi quyết định sinh con, hoặc các nhà tuyển dụng lao động để có chính sách thích hợp khi sử dụng lao động. Kết quả nghiên cứu này sẽ còn tốt hơn và có ý nghĩa hơn rất nhiều khi mô hình có thể lồng ghép được các biến đa phạm trù và sự kết hợp giữa các biến giải thích trong mô hình để đánh giá tác động của số con tới sự tham gia lao động và cung lao động của người cha. Đây có thể là một hướng nghiên cứu mở rộng của mô hình này. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Angrist, J. D. and W. N. Evans (1998), Children and Their Parents' Labor Supply: Evidence From Exogenous Variation in Family Size, *American Economic Review*, Vol. 88, No. 3, pp. 450-477.
2. Becker, G. S. (1985), Human Capital, Effort, and the Sexual Division of Labor, *Journal of Labor Economics*, Vol. 3, No. 1, pp. S33-58.
3. Blomquist, N. S. and B. U. Hansson (1990), The Effect of Taxes on Male and Female Labor Supply in Sweden, *Journal of Human Resources*, Vol. 25, No. 3, pp. 317-357.
4. Carlin, P. S. and L. Flood (1997), Do Children Affect the Labor Supply of Swedish Men? Time Diary vs. Survey Data, *Labour Economics*, Vol. 4, No. 2, pp. 167-183
5. Choi, H. J., J. Joesch, and S. Lundberg (2005), Work and Family: Marriage, Children, Child Gender and The Work Hours and Earnings of West German Men, *IZA Discussion Paper*.
6. Kim, J., and Aassve, A. (2006), Fertility and Its Consequences on Family Labor Supply, *IZA Discussion Paper*, 2162.
7. Lundberg, S. and E. Rose (2002), The Effects of Sons And Daughters on Men's Labor Supply and Wages, *Review of Economics and Statistics*, Vol. 84, No. 2, pp. 251-268.
8. Pencavel, J. (1986), Labor Supply of Men: A survey. *Handbook of Labor Economics* (pp. 3-102), North-Holland, New York.
9. Stock, J. H., J.H. Wright, and M. Yogo (2002), A Survey of Weak Instruments and Weak Identification in Generalized Method of Moments, *Journal of Business and Economic Statistics*, Vol. 20, No. 4, pp. 518-529.